

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST

Ngày 18/02/2022

**V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia
đình*”**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH

Thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Minh Lực.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Bùi Khắc Thái.

- Ông Nguyễn Văn Phiếu.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:
Bà Đinh Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 18/02/2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 173/2021/TLST-HNGĐ ngày 07/10/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 07/01/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐ-HPT ngày 20/01/2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Trọng T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Bị đơn: Chị Vũ Thị P, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Nghề nghiệp: Công nhân Công ty may Hàn Quốc ở Thôn Trung tâm, xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình

Anh T có đơn đề nghị xử vắng mặt. Chị P vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 07/10/2021, bản tự khai ngày 12/10/2021 và đề nghị xử vắng mặt ngày 17/02/2022 anh T trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị P ngày 05/5/2003 đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N, huyện N trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống ở thị trấn N, sau đó chuyển về Thôn T, xã Đ, huyện N ở. Thời gian sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường xuyên không có tiếng nói chung, nay anh nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự sâu sắc, tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị P.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Vợ chồng anh có 03 con chung là Nguyễn Duy Q, sinh ngày 03/12/2003; Nguyễn Anh T, sinh ngày 28/4/2010; Nguyễn Tuấn D, sinh ngày 08/9/2019 hiện cả ba cháu đang ở với vợ chồng anh. Hiện cháu Q đã trưởng thành, tự lập đi làm nên không yêu cầu Tòa giải quyết, còn cháu T muốn ở với ai thì anh cũng nhất trí, đối với cháu D còn nhỏ anh đề nghị giao cho mẹ cháu nuôi. Trong trường hợp mẹ cháu không nhận nuôi 2 cháu thì anh xin nhận nuôi cả cháu D và cháu T, anh không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung.

2. Về tài sản chung, công nợ chung: Anh và chị P tự giải quyết không yêu cầu Tòa .

Đối với chị Vũ Thị P: Từ khi thụ lý vụ án Tòa đã gửi thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho các đương sự. Anh T đã chấp hành đầy đủ. Chị P không chấp hành chỉ P vắng mặt tại các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, từ chối làm việc với Tòa không có lý do.

Tại Phiên tòa: Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật trong thời hạn chuẩn bị xét xử của Thẩm phán và Thư ký: Thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của BLTTDS 2015.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Bị đơn không thực hiện các quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Các Điều 5, 147, 227, 228, 266, 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí .

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Trọng T. Xử lý hôn giữa anh Nguyễn Trọng T và chị Vũ Thị P.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cho anh T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Anh T, sinh ngày 28/4/2010. Giao cho chị P nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Tuấn D, sinh ngày 8/9/2019 đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị P và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Không giải quyết về tài sản chung.

- Về án phí ly hôn: Anh T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” giữa anh T và chị P. Tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

1. Về thủ tục tố tụng: Đối với các đương sự, từ khi thụ lý đơn khởi kiện của anh T. Tòa án nhân dân huyện N đã gửi thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho các đương sự. Anh T đã chấp hành đầy đủ. Chị P không chấp hành, chị vắng mặt ở phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ ở phiên hòa giải. Vì vậy các ý kiến và quan điểm của chị đối với yêu cầu khởi kiện của anh T đã không thực hiện được. Tòa án nhân dân huyện N đã tiến hành giải quyết việc chị P vắng mặt theo thủ tục tố tụng dân sự. Đến ngày 07/01/2022 Tòa án nhân dân huyện N đã quyết định đưa vụ án ra xét xử.

2. Về quan hệ hôn nhân: Từ lời khai của đương sự từ kết quả xác minh và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã xác định: Anh T và chị P kết hôn với nhau vào ngày 5/5/2003 đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N, huyện N trên cơ sở tự nguyện là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống ở thị trấn N. Thời gian sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân như anh T xác định là do vợ chồng thường xuyên không có tiếng nói chung, còn chị P vì không lấy được lời khai của chị nên không xác định được nguyên nhân như thế nào nhưng những biểu hiện của chị P từ chối làm việc với Tòa án, không hòa giải với anh T đã chứng minh, mâu thuẫn giữa anh T và chị P đã thực sự sâu sắc, tình cảm vợ chồng không còn. Đã có đủ cơ sở pháp lý để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T. Xử lý hôn giữa anh T và chị P là phù hợp với thực tế và quy định của Pháp luật để hai người sớm ổn định cuộc sống (áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014).

3. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Xét thực tế điều kiện hoàn cảnh sống

của anh T và chị P hiện tại. Đối với cháu Nguyễn Duy Q, sinh ngày 03/12/2003 đã trưởng thành tự lập nên không phải giải quyết, giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 28/4/2010 (trong bản tự khai ngày 21/12/2021 cháu T cũng có nguyện vọng ở với bố). Giao cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn T D, sinh ngày 08/9/2019 đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

4. Về tài sản chung và công nợ chung: Do anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không giải quyết. Nếu có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác .

5. Về án phí ly hôn: Anh T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật, số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N được chuyển sang án phí.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 5, 147, 227, 228, 266, 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí.

1 - Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Trọng T . Xử lý hôn giữa anh Nguyễn Trọng T và chị Vũ Thị P.

2 - Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cho anh T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Anh T, sinh ngày 28/4/2010. Giao cho chị P nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Tuấn D, sinh ngày 8/9/2019 đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị P và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con chung. Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng của cha hoặc mẹ, cơ quan tổ chức có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi trực tiếp người nuôi con sau ly hôn

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí ly hôn: Anh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000

đồng được trừ vào số tiền 300.000 đồng anh T đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2021/ 0003364 ngày 7/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

Án xử công khai sơ thẩm, Anh T và chị P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện N
- THADS huyện N
- UBND thị trấn N.
- Dương sự
- Lưu/.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Hà Minh Lực